

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2023/DS-ST
Ngày: 25-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phú Minh Thông
- Bà Lê Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Phương-Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5270/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 5898/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Cơ khí Cao su

Trụ sở: Số 12HT 25 khu phố B, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phương V, sinh năm 1967; là đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 173/GUQ-CKCS ngày 14/6/2023). Địa chỉ: Số A HT B Khu phố B, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Tuyết M, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 1 B, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/4/2023; bản trình bày ý kiến ngày 17/5/2023; bản tự khai ngày 25/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Phương V là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 28/7/2011, Công ty cổ phần C có ký với bà Trịnh Thị Tuyết M hợp đồng xây dựng số 87/HĐXD về việc thi công công trình nhà ở tư nhân tại địa chỉ B B, Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/12/2012, các bên đã ký kết biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành với tổng giá trị khối lượng thực hiện mà nguyên đơn đã hoàn thành là 1.268.876.000

đồng, nguyên đơn cũng đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000708 ngày 06/12/2012 cho bị đơn với số tiền 1.268.876.000 đồng.

Từ khi ký hợp đồng đến trước ngày xác nhận công nợ (31/12/2013), bà M có thanh toán cho nguyên đơn số tiền 550.000.000 đồng.

Ngày 10/02/2014, giữa bà M và nguyên đơn có văn bản số 16/XNCN về việc xác nhận số nợ bà M phải trả đến ngày 31/12/2013 là 718.876.000 đồng.

Sau khi xác nhận công nợ, bà Trịnh Thị Tuyết M mới chỉ trả cho nguyên đơn tổng số tiền 300.000.000 đồng vào các ngày 20/3/2014 (theo phiếu thu số 0019/03/14/PTTM – 250.000.000 đồng) và ngày 20/5/2016 (theo phiếu thu số 0029/05/16/PTTM – 50.000.000 đồng). Còn lại số nợ 418.876.000 đồng cho đến nay bà M vẫn không trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, tìm cách liên lạc để yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M cố tình trốn tránh, không liên hệ được.

Do đó để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị Tuyết M phải trả lại số tiền còn nợ đến ngày 25/8/2023 là 418.876.000 đồng. Không yêu cầu thanh toán tiền lãi. Yêu cầu bà Trịnh Thị Tuyết M trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Trịnh Thị Tuyết M nhưng bà Trịnh Thị Tuyết M đều không có mặt tại Tòa án để có ý kiến hoặc nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và giao nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo. Đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán công nợ gốc còn thiếu và trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Công ty Cổ phần C có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng thi công với bà Trịnh Thị Tuyết M về yêu cầu thanh toán tiền nợ theo hợp đồng thi công. Bị đơn có địa chỉ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần C ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Phương V trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp lệ nên chấp nhận.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ; thông báo đối chất nhưng vẫn không có mặt để tiến hành đối chất và cũng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng thi công số 87/HĐXD ngày 28/7/2011 là 418.876.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn xuất trình có đủ cơ sở xác định Công ty Cổ phần C và Trịnh Thị Tuyết M có ký kết Hợp đồng thi công số 87/HĐXD ngày 28/7/2011; giá trị hợp đồng là 1.262.465.000 đồng; thời gian thực hiện hiện từ ngày 28/7/2011 đến ngày 31/01/2012; công trình nhà ở tư nhân, địa chỉ B đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc giao kết hợp đồng hợp đồng thi công giữa Công ty Cổ phần C và Trịnh Thị Tuyết M phù hợp với quy định tại các Điều 518, 519 Bộ luật Dân sự 2005 nên có hiệu lực pháp luật, do đó quyền, nghĩa vụ của các bên đã phát sinh.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần C đã tiến hành thi công đối với công trình nhà ở tư nhân, địa chỉ B đường B, Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo các hạng mục tại Hợp đồng thi công số 87/HĐXD ngày 28/7/2011. Ngày

06/12/2022, Công ty Cổ phần C tiến hành nghiệm thu công trình hoàn thành theo Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành số 189/BBNTCKCS, theo đó bị đơn phải thanh toán số tiền là 1.262.465.000 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000708 ngày 06/12/2022. Ngày 10/02/2014, Công ty Cổ phần C đã gửi Công văn số 16/XNCN về việc xác nhận số dư phải thu lại ngày 31/12/2013. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần C xác nhận bị đơn đã thanh toán được tổng số tiền là 850.000.000 đồng nên số tiền bị đơn còn phải thanh toán là 418.876.000 đồng. Do bị đơn chưa thanh toán hết là vi phạm nghĩa vụ tại Điều 6 Điều khoản thanh toán của Hợp đồng thi công số 87/HĐXD ngày 28/7/2011, phù hợp với quy định tại Điều 524 Bộ luật Dân sự 2005 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần C yêu cầu Trịnh Thị Tuyết M thanh toán số tiền hàng còn nợ gốc là 418.876.000 đồng.

[5] Về tiền lãi: Do nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ không thực hiện việc thanh toán đủ số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn thanh toán ngay một lần tiền còn nợ theo đề nghị của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 518, 519, 524 Bộ luật Dân sự 2005;

Luật án phí, lệ phí Tòa án năm 2015;

Luật Thi hành án Dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục kèm theo.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C.

Buộc Trịnh Thị Tuyết M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần C tổng số tiền 418.876.000 đồng còn nợ theo Hợp đồng thi công số 87/HĐXD ngày 28/7/2011.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.755.040 đồng.

Công ty Cổ phần C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần C 10.377.520 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2023/0043379 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương